

Số: 1638 /QĐ-UBND

Phong Thạnh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026**  
**của xã Phong Thạnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG THẠNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phong Thạnh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách; phân bổ nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2026;*

*Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Phong Thạnh (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Kinh tế xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long;
- TT Đảng ủy xã; TT HĐND;
- UBND; UBMTTQVN xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- TT phục vụ hành chính công xã;
- Các điểm trường học trên địa bàn xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Thị Nhiên**





UBND XÃ PHONG THANH

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>142.662.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>142.662.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.341.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	6.895.000.000	II. Chi thường xuyên	136.959.000.000
III. Thu bổ sung	134.426.000.000	III. Dự phòng	2.703.000.000
- Thu bổ sung cân đối	94.830.000.000		
- Thu bổ sung thực hiện CCTL 2,34tr.đồng/tháng	32.087.000.000		
- Thu bổ sung có mục tiêu	7.509.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>142.662.000.000</b>	<b>142.662.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1.341.000.000</b>	<b>1.341.000.000</b>
1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.000.000	170.000.000
3	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ		
5	Phí, lệ phí	100.000.000	100.000.000
6	Thu sự nghiệp, hoạt động dịch vụ		
7	Lệ phí môn bài		
8	Lệ phí trước bạ nhà, đất	893.000.000	893.000.000
9	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	16.000.000	16.000.000
10	Thu khác ngân sách	162.000.000	162.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>6.895.000.000</b>	<b>6.895.000.000</b>
	Thuế giá trị gia tăng	5.410.000.000	5.410.000.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	800.000.000	800.000.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.000.000	8.000.000
	Thuế thu nhập cá nhân	677.000.000	677.000.000
	Thuế tài nguyên		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>134.426.000.000</b>	<b>134.426.000.000</b>
1	Thu bổ sung cân đối	94.830.000.000	94.830.000.000
2	Thu bổ sung thực hiện CCTL 2,34tr.đồng/tháng	32.087.000.000	32.087.000.000
3	Thu bổ sung có mục tiêu	7.509.000.000	7.509.000.000





## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>142.662.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>139.662.000.000</b>
	<i>Trong đó</i>			
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	92.889.000.000		92.889.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0		
3	Chi quốc phòng	1.157.695.000		1.157.695.000
4	Chi an ninh trật tự	1.255.422.000		1.255.422.000
5	Chi sự nghiệp y tế và gia đình	50.000.000		50.000.000
6	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	300.700.000		300.700.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	276.644.000		276.644.000
8	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	102.238.000		102.238.000
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	756.742.000		756.742.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	7.209.800.000	3.000.000.000	4.209.800.000
11	Chi các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	27.098.073.000		27.098.073.000
12	Chi hỗ trợ hoạt động các tổ chức xã hội	0		
13	Chi đảm bảo xã hội	709.652.000		709.652.000
14	Chi khác	644.034.000		644.034.000
15	Dự phòng ngân sách	2.703.000.000		2.703.000.000
16	Chi từ nguồn BSMT từ NS tỉnh	7.509.000.000		7.509.000.000





## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

ĐVT: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/	Giá trị thanh toán đến 31/12/	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Dự toán năm 2026	
		Tổng số	Trong đó nguồn góp của dân					Chia theo nguồn vốn	
								Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>									
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>									
-									
-									
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>									
-									
-									
<b>2. Công trình mới</b>		<b>8.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	
Đường GTNT liên ấp Bắc Sa Ma - Xóm Giữa - Cà Chương	2026 - 2028	8.500.000.000				3.000.000.000		3.000.000.000	